TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Giang**.**

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và ông Nguyễn Văn Trung.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã ĐT, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Hiện ở hiện nay: Khu dân cư NX, phường TK, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Trần Quang C, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã ĐT, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị với anh C được tự do tìm hiểu trong 02 năm thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2016 tại UBND xã ĐT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không tu chí làm ăn, dẫn đến nợ nần. Chị và gia đình đã đứng ra trả nợ cho anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi. Đến năm

2019, anh C bỏ đi làm ăn xa và có chung sống với người phụ nữ khác, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và tạo điều kiện để anh C quay về với vợ con nhưng anh C không đồng ý. Do vậy, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi được hơn 2 năm nay. Khi chị gửi đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết thì dịp lễ 30/4-1/5/2023, anh C có đến xin lỗi và đón mẹ con chị về, vì nghĩ thương con nên chị cũng quay về nhà chồng. Tuy nhiên hết kỳ nghỉ lễ, anh C lại bỏ đi làm ăn, không đưa mẹ con chị theo và không liên lạc với chị. Do vậy, chị lại bỏ về nhà ngoại, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Tiến M, sinh ngày 31/12/2016 và Trần Đại T, sinh ngày 28/4/2019. Hiện, hai con đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Quang C không đến làm việc tại Tòa án nên không ghi nhận được quan điểm của bị đơn.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Hằng N (mẹ đẻ của chị L) cung cấp: Chị L và anh C được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn Đ, xã ĐT. Cuộc sống vợ chồng chị L hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách, làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái. Anh C chơi bời, không chịu làm ăn dẫn đến nợ nần và không quan tâm đến vợ con. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không chịu sửa chữa, thay đổi. Mẹ con chị L đã chuyển về chung sống cùng vợ chồng bà từ năm 2018 đến nay. Anh C và chị L cũng không liên lạc gì với nhau. Thỉnh thoảng, anh C có đến đón 2 con về nhà ông bà nội chơi còn vợ thì không thấy đoái hoài gì. Trong đợt nghỉ lễ 30/4/2023 và 01/5/2023, anh C có đến gia đình nhà bà đón ba mẹ con chị L về nhà ông bà nội chơi. Chị L cũng nghĩ thương con và muốn cho anh C một cơ hội sửa chữa nên đồng ý về cùng anh C. Tuy nhiên hết đợt nghỉ lễ, anh C lại chở ba mẹ con chị L về gia đình nhà bà sống và tiếp tục đi làm ăn. Sau đợt đó, anh C lại bỏ bê vợ con, không liên lạc hỏi thăm gì. Chị L có gọi điện nhưng anh C cũng không nghe máy.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị B (là mẹ đẻ của anh C) cung cấp: Anh C và chị L được tự do tìm hiểu nhau thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C sống với gia đình nhà bà tại thôn Đ, xã ĐT. Trong thời gian này thì anh chị ấy cũng có mâu thuẫn nhỏ chủ yếu do tính cách, quan điểm sống bất đồng. Anh C ham chơi, chị L góp ý thì không nghe thì vợ chồng mâu thuẫn. Khoảng năm 2019, vợ chồng anh C xin phép ra ngoài thuê quán bán hàng tại thôn N, xã ĐT. Sau đó khoảng 01 năm sau thì vợ chồng anh C không bán hàng nữa, trả nhà cho chủ, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ sống còn anh C đi làm ăn. Bà có hỏi anh C lý do tại sao như vậy thì anh ấy bảo do anh ấy đi làm ăn thì chị L về ngoại sống. Bà hỏi chị L thì chị ấy bảo do anh C ham chơi, không tu chí làm ăn nên chị L không chịu được, phải bỏ về nhà ngoại để dựa dẫm. Khi biết thông tin như vậy, bà cũng đã khuyên giải vợ chồng anh C. Từ khi về nhà ngoại thì chị L không về nhà bà để sinh sống với anh C, chỉ thỉnh thoảng anh C có đón con về chơi. Chị L cũng có tâm sự với bà về việc anh C không quan tâm đến vợ con, mải mê bên ngoài nên tình cảm vợ chồng xa cách. Bà cũng khuyên nhủ chị L vì con nên bỏ qua cho chồng, hàn gắn tình cảm. Bà cũng khuyên bảo anh C là không có gì bằng vợ bằng con, về nhà đón vợ con về sinh sống để các con có đủ cả bố và mẹ nhưng anh C không nói gì. Bà có hỏi anh C có quan điểm gì về việc chị L có đơn xin ly hôn tại Tòa án thì anh C không nói gì. Trong đợt nghỉ lễ 30/4 – 01/5/2023, anh C lên nhà bố mẹ vợ xin lỗi và xin phép đón ba mẹ con về nhà bà ở. Sau đợt nghỉ lễ, anh C lại đi làm và để ba mẹ con chị L ở nhà chung sống cùng bà. Được mấy hôm thì chị L có nói lại với bà về việc anh C không liên lạc, không quan tâm đến vợ con. Do vậy, bà gọi điện và khuyên bảo nhưng anh C không nói gì và bảo đây là chuyện của con, bà không nên can thiệp.

Biên bản xác minh tại Công an xã ĐT thể hiện: Anh Trần Quang C, sinh năm 1994, có nơi đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã ĐT, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh C vẫn đang sinh sống tại đây và ở cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị B.

Biên bản xác minh tại UBND xã ĐT thể hiện: Chị L và anh C đăng ký kết hôn ngày 23/06/2016 tại UBND xã ĐT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã ĐT. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về làm ăn kinh tế, anh C nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mẹ con chị L đã chuyển về ngoại sinh sống từ năm 2018 đến nay, không về chung sống với gia đình nhà chồng.

Theo công văn số 18903 ngày 24/7/2023 của Cục quản lý xuất nhập C – Bộ công an cung cấp: Anh Trần Quang C, sinh ngày 10/05/1994 được cấp hộ

chiếu số B7853716 ngày 22/04/2013, nhập C ngày gần nhất 23/07/2014, hiện chưa có thông tin xuất C.

Do anh C không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng vắng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày với Tòa án. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc phát biểu quan điểm xác định những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện không đúng các quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị TAND huyện Gia Lộc áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Quang C. Về con chung: Giao 02 con là Trần Tiến M, sinh ngày 31/12/2016 và Trần Đại T, sinh ngày 28/4/2019 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con của chị L. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Trần Quang C có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã ĐT, huyện GL, tỉnh Hải Dương nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Gia Lộc.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang C được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/06/2016 tại UBND xã ĐT, huyện GL, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ vào các lời khai của chị L, biên bản xác minh và các lời khai của những người làm chứng xác định vợ chồng chị L anh C có mâu thuẫn,

nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, hơn nữa anh C nợ nần nhiều khiến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng nghi ngờ về tình cảm, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi từ lâu, không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị L đến nay, anh C không đến Tòa theo giấy triệu tập và tham gia hòa giải, như vậy thấy rằng anh C không thiết tha để đoàn tụ vợ chồng, mặc dù chị L đã cho anh C cơ hội để vợ chồng về chung sống với nhau. Đến nay, chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn, không muốn đoàn tụ. Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp thực tế và các quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng L C có 02 con là Trần Tiến M, sinh ngày 31/12/2016 và Trần Đại T, sinh ngày 28/4/2019, hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con; anh C không có ý kiến. HĐXX xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, hơn nữa 02 con đều còn nhỏ, từ trước đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con, đảm bảo cho con đầy đủ về mặt vật chất, tinh thần, hơn nữa anh C cũng không có quan điểm về con chung. Do vậy, giao 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của chị nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228

BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Trần Quang C**.**

- Về con chung: Giao 02 con Trần Tiến M, sinh ngày 31/12/2016 và Trần Đại T, sinh ngày 28/4/2019 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000873 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Chị L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT, huyện GL, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Thị Giang